

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

Bản án số 620/2025/HS-PT
Ngày 30/12/2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tự Học;

Ông Phạm Việt Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Duy Khánh, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hùng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 553/2025/TLPT-HS ngày 30 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Thị L do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 663/2025/HS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Nguyễn Thị L, sinh năm 1985; giới tính: Nữ; tên gọi khác: T; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã K, Thành phố Hà Nội (địa chỉ cũ là Thôn P, xã M, huyện S, Thành phố Hà Nội); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; họ và tên bố: Nguyễn Hải H1, sinh năm 1929; họ và tên mẹ: Bùi Thị N, sinh năm 1944 (bị cáo khai tại phiên tòa phúc thẩm bố, mẹ đẻ bị cáo đều đã chết); có chồng là Nguyễn Đức T1, sinh năm 1985 và có 03 con (con lớn sinh năm 2009; con nhỏ sinh năm 2017). Tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giam từ ngày 25/10/2024, đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an Thành phố H; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo do Tòa án chỉ định: Luật sư Nguyễn Thế T2 thuộc Đoàn luật sư thành phố H; có mặt.

- Người bị hại (không kháng cáo): Chị Nguyễn Thị Minh C, sinh năm 1990; nơi cư trú: thôn B, xã Q, Thành phố Hà Nội; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Văn N1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 01/2022, thông qua mối quan hệ xã hội, Nguyễn Thị L quen biết chị Nguyễn Thị Minh C. Do cần tiền chi tiêu cá nhân, biết thông tin một số chủ thửa đất ở xã K, TP Hà Nội có nhu cầu chuyển nhượng qua môi giới bất động sản, L đưa ra thông tin gian dối với chị C về việc L đang muốn đầu tư kinh doanh mua một số thửa đất trên địa bàn xã K, thành phố Hà Nội và rủ chị C góp tiền đặt cọc mua đất chung để bán hưởng tiền chênh lệch và chia lợi nhuận theo tỷ lệ góp vốn. Từ ngày 15/01/2022 đến ngày 23/01/2022, khi L đưa ra thông tin gian dối về các thửa đất cần đầu tư, chị C đã tin tưởng chuyển tiền cho L nhiều lần tổng số tiền **511.000.000 đồng** từ tài khoản Ngân hàng T6 số 19037249417019 của chị C đến tài khoản Ngân hàng MB số 198568688 của L, cụ thể:

+ Ngày 15/01/2022, L giới thiệu về việc Thửa đất số 7A, tờ bản đồ 20, có diện tích 304 m² thuộc thôn L, xã M, huyện S, TP Hà Nội (nay là xã K, TP Hà Nội) của ông Phan Tụ H2 (SN: 1966; địa chỉ: thôn P, xã K, TP Hà Nội) bán với giá 8.000.000 đồng/m² và rủ chị C góp tiền mua chung. Chị C nghĩ là L mua được đất giá rẻ nên ngày 17/01/2022, chị C đã chuyển khoản số tiền **80.000.000 đồng** cho L, nội dung giao dịch chuyển khoản “*chung lô 304m² thửa 7a tờ bản đồ 20 Lam Truong 3 thửa chung*”.

+ Ngày 16/01/2022, L giới thiệu về việc Thửa đất số 121a, tờ bản đồ 17 mặt đường 35, có diện tích 344m², địa chỉ: thôn P, xã K, thành phố Hà Nội của ông Ngô Huy T3 (SN: 1977; địa chỉ: thôn N, xã Đ, TP Hà Nội) muốn bán với giá 15.000.000 đồng/m² và rủ chị C chung tiền đặt cọc mua đất. Để khiến chị C tin tưởng, L gửi hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Ngô Huy T3 cho chị C xem nên cùng ngày, chị C đã chuyển số tiền **30.000.000 đồng** cho L, nội dung chuyển khoản: “*E Chau gửi 16-1-2022*”. Sau đó, ngày 20/01/2022, L tiếp tục rủ chị C góp thêm tiền đầu tư vào thửa đất này, chị C đã chuyển khoản cho L thêm số tiền **95.000.000 đồng**, nội dung chuyển khoản: “*Chau chuyển thêm lô 344m² mặt đường 35 minh phụ*”. Ngày 22/01/2022, L nói sẽ xây tường bao quanh thửa đất này và bảo chị C góp tiền để xây dựng nên chị C đã đưa L số tiền **6.000.000 đồng** tiền mặt.

+ Ngày 18/01/2022, L giới thiệu về việc Thửa đất số 194, tờ bản đồ số 75, diện tích 196m², địa chỉ: Thôn P, xã K, TP Hà Nội cần bán với giá 18.000.000 đồng/m², rủ chị C chung tiền đặt cọc mua đất. L gửi ảnh Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất trên. Cùng ngày, chị C đã chuyển cho L số tiền 100.000.000 đồng, nội dung chuyển khoản “*Chung lo 196 thừa 194 to ban do 75 ngay 18/1/2022*”. L hẹn chị C đến ngày 15/02/2022 sẽ làm thủ tục công chứng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất trên cho L và chị C.

+ Ngày 23/01/2022, L tiếp tục giới thiệu về Thửa đất số 23-1, diện tích 385m², địa chỉ: Thôn P, xã K, TP Hà Nội của ông Nguyễn Chúc L1 (SN: 1962; địa chỉ: thôn P, xã K, TP Hà Nội) muốn bán cả nhà trên đất với giá 800.000.000 đồng và rủ chị C góp vốn mua chung đất. Lợi gửi ảnh Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và các giấy tờ liên quan mang tên ông L1 cho chị C. Cùng ngày, chị C chuyển cho L số tiền 200.000.000 đồng, nội dung ghi: “*Coc 385m có nha Phu Cuong Minh Phu 23-1*”.

Đến tháng 3/2022, chị C hỏi L tình trạng của 04 thửa đất trên thì L nói không bán được và hứa hẹn sẽ hoàn trả lại cho chị C số tiền góp vốn. Ngày 15/4/2022, L tiếp tục vay chị C số tiền 70.000.000 đồng để sử dụng vào việc cá nhân nhưng sau đó L không trả. Khoảng tháng 5/2022, chị C tìm hiểu thì được biết các thửa đất trên đã được chủ đất bán cho người khác chứ không phải L nên chị C yêu cầu L trả tiền. Do chưa thể trả lại tiền cho chị C, L đề nghị chị C đi vay lãi để sử dụng chi tiêu trước và L hứa hẹn sẽ chuyển cho chị C tiền lãi vay.

Xác minh tại Văn phòng Đ1 - Chi nhánh huyện S (nay là Chi nhánh văn phòng Đ2 thuộc Phòng Đ3), kết quả như sau:

- Thửa đất số 130, tờ bản đồ số 66 (theo bản đồ đo đạc năm 1993 là một phần thửa đất số 7, tờ bản đồ số 20), diện tích 319.3m², địa chỉ thửa đất: Lâm Trường, xã M, huyện S, Hà Nội (nay là xã K, TP Hà Nội) đã được Sở T7 cấp GCN cho ông (bà): Trần Thanh B, tại GCN số: DD143150, số vào sổ: CS-SS 20775, cấp ngày 13/10/2021; Ngày 24/3/2022: đăng ký biến động chuyển nhượng cho ông Phan Tự H2, bà Trần Thị N2, địa chỉ: L, M, S, Hà Nội; Ngày 25/5/2022: đăng ký biến động chuyển nhượng cho ông: Nguyễn Hồ Đ, sinh năm 1977 và vợ là bà: Nguyễn Thị Thu H3, sinh năm 1980, địa chỉ: Tổ A, L, phường L, TP Hà Nội.

- Thửa đất số 03, tờ bản đồ số: 86, diện tích: 4590.9m² theo bản đồ tổng thể đang thể hiện thông tin người sử dụng đất là ông Nguyễn Chúc L1, tuy nhiên trên bản đồ đo đạc 1993 thửa đất này chưa được đo vẽ cũng như chưa có thông tin về việc cấp Giấy chứng nhận.

- Thửa đất số 121a, tờ bản đồ số 17, có diện tích 344m² thuộc thôn P, xã M, huyện S, Hà Nội (nay là xã K, TP Hà Nội) đã được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận số: V754094, số vào sổ: 00832 cho hộ bà Hoàng Thị H4. Ngày 19/3/2019, bà Hoàng Thị H4 chuyển nhượng cho Nguyễn Văn L2, Nguyễn Thị B1. Ngày 04/01/2022, đăng ký biến động chuyển nhượng toàn bộ cho Ngô Huy T3. Ngày 12/7/2022, đăng ký biến động chuyển nhượng cho Dương Minh T4,

sinh năm 1970, và bà Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1977 và được cấp GCN số DG 847568, do Sở T7 cấp ngày 22/7/2022.

- Thừa đất số: 194, tờ bản đồ số: 75, diện tích 196m², địa chỉ thửa đất tại: Thôn P, M, S, Hà Nội (nay là xã K, TP Hà Nội) đã được Sở T7 cấp GCN số: CY 429858, số vào sổ: CS-SS 16863, ngày cấp 18/11/2020. Ngày 12/01/2021, đăng ký biến động chuyển nhượng cho Nguyễn Hữu C1. Ngày 24/02/2022, đăng ký biến động chuyển nhượng cho Đỗ Đình S. Ngày 18/4/2022, đăng ký biến động chuyển nhượng cho bà Kiều Thị T5, sinh năm 1979.

Xác minh về chủ các thửa đất trên thẻ hiện: Những người này không quen biết, không trao đổi giao dịch với mua bán đất với Nguyễn Thị L (tên gọi khác là T).

Sao kê tài khoản Ngân hàng T6 số 19037249417019 của chị Nguyễn Thị Minh C; tài khoản Ngân hàng M số 198568688 của Nguyễn Thị L thẻ hiện giao dịch chuyển khoản như trên.

Tại Cáo trạng số 452/CT - VKSHN-P2, ngày 21/7/2025, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Thị Lợi về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 663/2025/HS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”;

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 32; Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 12 (*mười hai*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 25/10/2024.

- Biện pháp tư pháp: *Áp dụng Điều 46; 47; 48 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584 và Điều 585 của Bộ luật dân sự; Điều 5 của Nghị quyết số 01/2021/HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.* Buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải bồi thường trả bà Nguyễn Thị Minh C số tiền 410.000.000đ (*bốn trăm mười triệu đồng*).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn N1, về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/9/2025, bị cáo Nguyễn Thị L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- **Tại phiên tòa phúc thẩm**, bị cáo Nguyễn Thị L giữ nguyên kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt tù và khai nhận thành khẩn diễn biến hành vi phạm tội, xác định đúng số tiền chiếm đoạt của người bị hại chị Nguyễn Thị Minh C, bị cáo xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng

người, đúng tội và không oan. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù với lý do: Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; hoàn cảnh gia đình khó khăn, có 03 con còn nhỏ đang độ tuổi đi học cần phải chăm sóc, nuôi dưỡng; bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đối trừ cho bị cáo khoản tiền 126 triệu đồng vào khoản tiền mà bị cáo còn phải bồi thường cho người bị hại theo quyết định của bản án sơ thẩm vì trước đó bị cáo đưa cho chị Nguyễn Thị Minh C 126 triệu đồng để chị C trả tiền lãi cho bị cáo Nguyễn Văn N1 đối với khoản tiền chị C vay lãi nặng của bị cáo N1.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị hại chị Nguyễn Thị Minh C xác nhận đã nhận tổng số tiền của bị cáo Nguyễn Thị L là 226 triệu đồng (gồm 100 triệu đồng bị cáo trả tiền chiếm đoạt và 126 triệu đồng tiền bị cáo L đưa cho chị để chị trả lãi cho bị cáo Nguyễn Văn N1); chị C nhất trí đối trừ số tiền 126 triệu đồng mà bị cáo L đã đưa cho chị vào khoản tiền bị cáo còn phải bồi thường theo quyết định của bản án sơ thẩm. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Sau khi phân tích nội dung vụ án, xác định việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thị L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật, không oan. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị hại là chị Nguyễn Thị Minh C nhất trí đối trừ số tiền 126 triệu đồng mà chị đã nhận của bị cáo L trước đây vào khoản tiền bị cáo còn phải bồi thường theo quyết định của bản án sơ thẩm. Như vậy, bị cáo đã bồi thường cho người bị hại được tổng cộng 226 triệu đồng; hoàn cảnh gia đình khó khăn, có 3 con còn nhỏ đang tuổi đi học. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng thêm cho bị cáo. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo giảm cho bị cáo một phần hình phạt tù, đề nghị Hội đồng xét xử giảm cho bị cáo Nguyễn Thị L từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày: Không tranh luận gì về tội danh, khung hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo trong quá trình điều tra, tại các phiên tòa đều khai báo thành khẩn, ăn năn, hối cải; đến nay đã bồi thường cho người bị hại được tổng cộng 226 triệu đồng; hoàn cảnh khó khăn, hiện nuôi 3 con nhỏ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo mức hình phạt thấp hơn đề nghị của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội đề nghị.

Căn cứ các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, trình bày của bị cáo và trình bày của người bào chữa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đối với bị cáo, các cơ quan và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định thẩm quyền xét xử vụ án; xác định đúng, đầy đủ tư cách người tham gia tố tụng theo quy định của luật tố tụng. Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L trong hạn luật định, được chấp nhận để xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị L khai nhận diễn biến hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm quy kết, thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh, khung hình phạt là đúng người, đúng tội, không oan. Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo thấy phù hợp với lời khai của bị hại; phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận:

Mặc dù không được nhận chuyển nhượng mua bán đối với các thửa đất tại khu vực xã K, thành phố Hà Nội nhưng Nguyễn Thị L đưa ra thông tin gian dối là mua được 04 thửa đất và rủ chị Nguyễn Thị Minh C tham gia góp vốn để đầu tư để bán lấy lãi và chia lợi nhuận theo tỉ lệ góp vốn khiến chị C tin tưởng, chuyển tiền cho L và bị chiếm đoạt. Bằng thủ đoạn này, Nguyễn Thị L đã chiếm đoạt được của chị C tổng số tiền 511.000.000 đồng. Số tiền tiền chiếm đoạt, L sử dụng trả nợ và chi tiêu cá nhân hết.

Với các hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thị L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mà còn ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội; nên cần phải xử bị cáo mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội, nhằm giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi phạm tội, tại giai đoạn điều tra, phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thị L đã thành khẩn khai báo, tỏ ra rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; sau khi người bị hại chị Nguyễn Thị Minh C có đơn tố giác bị cáo gửi Công an huyện S thì bị cáo đã tự nguyện trả lại cho người bị hại 100 triệu đồng tiền chiếm đoạt để khắc phục hậu quả. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị hại chị Nguyễn Thị Minh C xác nhận đã nhận tổng số tiền của bị cáo Nguyễn Thị L là 226 triệu đồng (gồm 100 triệu đồng bị cáo trả tiền chiếm đoạt và 126 triệu đồng tiền bị cáo L đưa cho

chị để chị trả lãi cho bị cáo Nguyễn Văn N1); chị C nhất trí đối trừ số tiền 126 triệu đồng mà bị cáo L đã đưa cho chị vào khoản tiền bị cáo còn phải bồi thường theo quyết định của bản án sơ thẩm. Như vậy, tính đến thời điểm xét xử phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thị L đã trả cho người bị hại chị Nguyễn Thị Minh C được tổng số tiền 226 triệu đồng; bị cáo khai hoàn cảnh gia đình khó khăn, có 03 con còn nhỏ đang độ tuổi đi học cần phải chăm sóc, nuôi dưỡng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng thêm cho bị cáo L. Do đó, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt tù, tạo điều kiện cho bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở về với gia đình và xã hội để chăm sóc, nuôi con; thể hiện tính nhân đạo của pháp luật hình sự Việt Nam. Quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa đề nghị giảm cho bị cáo một phần hình phạt tù là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của người bị hại chị Nguyễn Thị Minh C đồng ý đối trừ số tiền 126 triệu đồng mà bị cáo L đã đưa cho chị để trả tiền lãi cho bị cáo Nguyễn Văn N1 vào khoản tiền bị cáo còn phải bồi thường theo quyết định của bản án sơ thẩm. Như vậy, sau khi đối trừ số tiền 126 triệu đồng trên, buộc bị cáo Nguyễn Thị L (tên gọi khác là T) còn phải bồi thường trả cho chị Nguyễn Thị Minh C số tiền 285.000.000 đồng.

[6] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L được chấp nhận, nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[7] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L (tên gọi khác là T). Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 663/2025/HS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 32; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L (tên gọi khác là T) 10 (mười) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự; Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 562/2025/TB-TA ngày 17/12/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị L (tên gọi khác là T) còn phải bồi thường trả cho chị Nguyễn Thị Minh C số tiền 285.000.000 đồng.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị L (tên gọi khác là T) không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Việt Hà

Ngô Tự Học

Nguyễn Tiến Dũng

Nơi nhận:

- Viện Công tố & KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Trại tạm giam số 1 CA TP Hà Nội;
- THADS TP Hà Nội;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Lưu HS, P.HC-TP TPT tại Hà Nội.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng